

Bản án số: 61/2017/HNGĐ-ST

Ngày : 30 - 8 - 2017

V/v Ly hôn giữa chị Y và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lâm

2. Bà Dương Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2017/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2017, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phi Y; cư trú: Số 38A Nguyễn Văn Lâu, phường 8, thành phố VL, tỉnh VL.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T; cư trú: Số 70H Nguyễn Văn Lâu, phường 8, thành phố VL, tỉnh VL (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2017 chị Nguyễn Phi Y trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhiều lần còn đánh nhau, tháng 4 năm 2016 chị dẫn con về nhà mẹ ruột của chị sinh sống và từ đó đến nay anh T không tới thăm vợ con lần nào, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Hà M sinh ngày 14 tháng 6 năm 2015 hiện chị Y đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con không yêu cầu anh T cấp dưỡng

nuôi con, tài sản chung chưa yêu cầu giải quyết, vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng chị.

Tại phiên tòa chị Y vẫn yêu cầu khởi kiện như trên.

Anh T không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án hòa giải với chị Y và cũng không dự phiên tòa xét xử vụ án.

Quan điểm Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án Xử: Chấp nhận cho chị Y ly hôn với anh T, giao con chung cho chị Y nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, tài sản đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết, nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Y và anh T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2015 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nay chị Y yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T được triệu tập dự phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Y anh T phát sinh mâu thuẫn dẫn đến đánh nhau, đã sống ly thân hơn một năm nay, tại phiên tòa chị Y vẫn giữ yêu cầu ly hôn, Tòa án nhiều lần mời anh T đến mục đích để hòa giải đoàn tụ với chị Y nhưng anh không đến cũng không có văn bản trình bày ý kiến mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Y ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận cho chị Y được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung:

Bé Nguyễn Ngọc Hà M sinh ngày 14 tháng 6 năm 2015 hiện chị Y đang nuôi dưỡng, bé dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chị Y có thu nhập đủ khả năng nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận sự tự nguyện của chị.

Về tài sản: Đang sự chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về nợ: Chị Y trình bày vợ chồng chị không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng chị.

Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án chị Y phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Phi Y ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T

2. Về nuôi con chung: Giao Nguyễn Ngọc Hà M sinh ngày 14 tháng 6 năm 2015 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị Y về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm con chung không ai được ngăn cản, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Y.

3. Về tài sản: Đang sự chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ: Đang sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Phi Y chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng nộp ngày 12/5/2017 biên lai thu số 0002583 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, chị Y đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. Chị Y có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND Tp. Vĩnh Long;
- Chi cục thi hành án DS Tp. Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- UBND phường 8, Tp Vĩnh Long;
- Đường sự; Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kim Chi